

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng															Dự án "Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện" tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn
			Văn phòng Sở Y tế	Chi cục ATPP	BVĐK tỉnh	TT GĐYK	TT Pháp Y	TT KSBT	TTYT thành phố Gia Nghĩa	TTYT Krông Nô	TTYT Đắk Mil	TTYT Đắk Rlấp	TTYT Cư Jút	TTYT Đắk Song	TTYT Đắk Glong	TTYT Tuy Đức			
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	32.000	25.000	7.000															
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (Loại 070 - Khoản 085)	1.221.000	35.200	9.600	104.800	9.600	10.400	112.000	74.600	132.800	143.200	148.800	130.400	112.800	105.600	91.200	0	0	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0																	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.221.000	35.200	9.600	104.800	9.600	10.400	112.000	74.600	132.800	143.200	148.800	130.400	112.800	105.600	91.200	0	0	
-	Đào tạo theo định mức	1.221.000	35.200	9.600	104.800	9.600	10.400	112.000	74.600	132.800	143.200	148.800	130.400	112.800	105.600	91.200			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	375.956.000	1.894.280	23.500	43.844.400	2.635.500	2.676.000	34.575.820	19.961.644	43.917.612	45.940.268	36.502.380	38.093.004	32.272.036	34.400.544	33.621.012	74.000	1.654.000	
3.1	Loại 130 - Khoản 131	62.571.000	179.280	23.500	0	0	0	34.575.820	19.317.444	860.712	1.466.368	791.280	829.204	1.100.136	616.144	1.083.112	74.000	1.654.000	
3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	44.433.000	0	0	0	0	0	27.184.000	17.249.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	NŠNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	44.433.000						27.184.000	17.249.000										
3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.138.000	179.280	23.500	0	0	0	7.391.820	2.068.444	860.712	1.466.368	791.280	829.204	1.100.136	616.144	1.083.112	74.000	1.654.000	
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	2.120.000						1.288.000	832.000										
-	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	1.132.000						657.000	475.000										
-	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	3.099.000						231.000	479.000	616.000	414.000	508.000	256.000	296.000	299.000				
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	192.000	60.000					83.000	49.000										
-	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	1.770.000						1.514.000	256.000										
-	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	1.728.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	74.000	1.654.000
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	<i>1.654.000</i>																	<i>1.654.000</i>
+	<i>Dự án "Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện" tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frend Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	<i>74.000</i>																<i>74.000</i>	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	3.596.000	119.280	23.500	0	0	0	696.680	94.024	198.152	674.068	198.860	146.984	659.276	151.984	633.192	0	0	
+	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	1.798.000	59.640	11.750	0	0	0	348.340	47.012	99.076	337.034	99.430	73.492	329.638	75.992	316.596	0	0	
++	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	1.700.000	59.640	0	0	0	0	348.340	36.887	87.701	326.409	82.055	65.117	320.763	64.367	308.721	0	0	
+++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	<i>1.700.000</i>	<i>59.640</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>348.340</i>	<i>36.887</i>	<i>87.701</i>	<i>326.409</i>	<i>82.055</i>	<i>65.117</i>	<i>320.763</i>	<i>64.367</i>	<i>308.721</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng														Dự án "Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện" tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	
			Văn phòng Sở Y tế	Chi cục ATTP	BVĐK tỉnh	TT GĐYK	TT Pháp Y	TT KSBT	TTYT thành phố Gia Nghĩa	TTYT Krông Nô	TTYT Đắk Mil	TTYT Đắk Rlấp	TTYT Cư Jút	TTYT Đắk Song	TTYT Đắk Glong	TTYT Tuy Đức			
++	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	98.000	0	11.750	0	0	0	0	0	10.125	11.375	10.625	17.375	8.375	8.875	11.625	7.875	0	0
+++	Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình	98.000	0	11.750	0	0	0	0	0	10.125	11.375	10.625	17.375	8.375	8.875	11.625	7.875	0	0
+	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	1.798.000	59.640	11.750	0	0	0	348.340	47.012	99.076	337.034	99.430	73.492	329.638	75.992	316.596	0	0	0
++	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	1.700.000	59.640	0	0	0	0	348.340	36.887	87.701	326.409	82.055	65.117	320.763	64.367	308.721	0	0	0
+++	Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	1.700.000	59.640	0	0	0	0	348.340	36.887	87.701	326.409	82.055	65.117	320.763	64.367	308.721	0	0	0
++	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	98.000	0	11.750	0	0	0	0	10.125	11.375	10.625	17.375	8.375	8.875	11.625	7.875	0	0	0
+++	Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình	98.000	0	11.750	0	0	0	0	10.125	11.375	10.625	17.375	8.375	8.875	11.625	7.875	0	0	0
-	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	2.947.000						2.388.100	59.400	72.900	76.600	70.400	69.600	86.000	62.500	61.500			
-	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	156.000						116.000	4.000	6.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000			
-	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	432.000						182.040	29.020	30.660	29.700	35.020	31.620	28.860	35.660	29.420			
-	Thực hiện dịch vụ y tế khác	966.000						467.000	39.000	74.000	65.000	68.000	68.000	65.000	65.000	55.000			
3.2	Loại 130 - Khoản 132	309.515.000	1.715.000	0	43.844.400	2.635.500	2.676.000	0	644.200	43.056.900	44.473.900	35.711.100	37.263.800	31.171.900	33.784.400	32.537.900	0	0	0
3.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	269.575.000	0	0	36.444.000	2.454.000	2.526.000	0	0	38.568.000	38.914.000	30.419.000	32.347.000	26.983.000	31.064.000	29.856.000	0	0	0
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	269.575.000			36.444.000	2.454.000	2.526.000			38.568.000	38.914.000	30.419.000	32.347.000	26.983.000	31.064.000	29.856.000			
3.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	39.940.000	1.715.000	0	7.400.400	181.500	150.000	0	644.200	4.488.900	5.559.900	5.292.100	4.916.800	4.188.900	2.720.400	2.681.900	0	0	0
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	16.044.000			3.510.000	126.000	96.000			1.962.000	2.178.000	2.384.000	1.950.000	1.618.000	1.144.000	1.076.000			
-	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	13.625.000			3.241.400	48.000	46.000			1.538.000	2.071.000	1.874.600	1.821.000	1.830.000	642.000	513.000			
-	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	6.896.000								404.200	878.900	1.184.900	876.000	1.033.300	637.400	856.400	1.024.900		

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng														Dự án "Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện" tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn
			Văn phòng Sở Y tế	Chi cục ATP	BVDK tỉnh	TT GĐYK	TT Pháp Y	TT KSBT	TTYT thành phố Gia Nghĩa	TTYT Krông Nô	TTYT Đắk Mil	TTYT Đắk Rlấp	TTYT Cư Jút	TTYT Đắk Song	TTYT Đắk Glong	TTYT Tuy Đức		
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	1.150.000			379.000	7.500	8.000			110.000	126.000	157.500	112.500	103.500	78.000	68.000		
-	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT thành phố Gia Nghĩa	240.000							240.000									
-	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil. Phần còn thiếu so với Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền)	1.715.000	1.715.000															
-	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Monduliri - Campuchia	270.000			270.000													
3.3	Kinh phí còn lại chưa phân bổ	3.870.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập (Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng còn dư)	3.870.000																
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1.046.289	1100219	1053570	1098321	1120420	1127709	1127653	1127657	1127655	1127656	1127654	1127650	1127652	1127651	1132259	1131425
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		3.061	3.061	3.061	3.061	3.061	3.061	3.061	3062	3063	3064	3065	3066	3067	3068	3061	3061

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông**Chương: 423****PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025****Đơn vị: Văn phòng Sở Y tế****Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:***(Kèm theo Quyết định số , ngày /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)***ĐVT: 1.000 đồng**

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	450.000
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	450.000
B	DỰ TOÁN CHI	14.093.480
I	Chi từ số thu được để lại:	338.000
1	Nguồn thu phí được để lại	338.000
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	35.627
II	Chi do NSNN cấp:	13.755.480
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.062.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.693.480
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	11.826.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.062.000
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	10.062.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.764.000
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	519.000
1.2.2	Trang phục thanh tra	12.000
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	450.000
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	18.000
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	90.000
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	90.000
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	560.000

Stt	Nội dung	Tổng số
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	25.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	35.200
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	35.200
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.894.280
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	-
b	Loại 130 - Khoản 132	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.894.280
a	Loại 130 - Khoản 131	179.280
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	60.000
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frend Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	119.280
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	59.640
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	59.640

Stt	Nội dung	Tổng số
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	59.640
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	59.640
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	59.640
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	59.640
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	-
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	-
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	-
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	-
b	Loại 130 - Khoản 132	1.715.000
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-

Stt	Nội dung	Tổng số
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	-
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	1.715.000
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

Chương: 423

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	40.000
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	40.000
B	DỰ TOÁN CHI	3.214.100
I	Chi từ số thu được để lại:	32.000
1	Nguồn thu phí được để lại	32.000
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	3.373
II	Chi do NSNN cấp:	3.182.100
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.578.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	604.100
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	3.149.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.578.000
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	2.578.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	571.000
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	134.000
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	180.000
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	250.000

Stt	Nội dung	Tổng số
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	7.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	9.600
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.600
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	23.500
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	-
b	Loại 130 - Khoản 132	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	23.500
a	Loại 130 - Khoản 131	23.500
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frenđ Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	23.500
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	11.750

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	-
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	11.750
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	11.750
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	11.750
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	-
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	11.750
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	11.750
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	-
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	-
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	-
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	-

Stt	Nội dung	Tổng số
b	Loại 130 - Khoản 132	-
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	-
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông**Chương: 423****PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025****Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh****Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:***(Kèm theo Quyết định số , ngày /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)***DVT: 1.000 đồng**

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	43.958.200
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	43.958.200
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.444.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.514.200
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	9.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.000
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	9.000
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-

Stt	Nội dung	Tổng số
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	104.800
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	104.800
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	43.844.400
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.444.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	-
b	Loại 130 - Khoản 132	36.444.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	36.444.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.400.400
a	Loại 130 - Khoản 131	-
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frenđ Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	-
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	-

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	-
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	-
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	-
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	-
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	-
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	-
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	-

Stt	Nội dung	Tổng số
b	Loại 130 - Khoản 132	7.400.400
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	3.510.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	3.241.400
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	-
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	379.000
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	270.000
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông**Chương: 423****PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025****Đơn vị: Trung tâm giám định y khoa tỉnh****Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:***(Kèm theo Quyết định số , ngày /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)***ĐVT: 1.000 đồng**

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	252.000
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	252.000
B	DỰ TOÁN CHI	2.884.100
I	Chi từ số thu được để lại:	239.000
1	Nguồn thu phí được để lại	239.000
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	20.000
II	Chi do NSNN cấp:	2.645.100
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	9.600
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.600
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.635.500

Stt	Nội dung	Tổng số
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.454.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	-
b	Loại 130 - Khoản 132	2.454.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	2.454.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	181.500
a	Loại 130 - Khoản 131	-
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tính ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frenđ Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	-
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	-
+	Nội dung tham mưu phân bổ: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10405)	-

Stt	Nội dung	Tổng số
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến;</i>	-
+	<i>Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10407)</i>	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	-
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	-
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	-
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	-
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	-
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	-
b	Loại 130 - Khoản 132	181.500
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	126.000

Stt	Nội dung	Tổng số
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	48.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	-
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	7.500
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

Chương: 423

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm pháp y tỉnh

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	2.686.400
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	2.686.400
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.526.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	160.400
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-

Stt	Nội dung	Tổng số
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	10.400
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.400
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.676.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.526.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	-
b	Loại 130 - Khoản 132	2.526.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	2.526.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp công tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frenđ Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	-
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	-
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	-

Stt	Nội dung	Tổng số
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	-
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	-
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	-
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	-
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	-
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	-
b	Loại 130 - Khoản 132	150.000
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	96.000

Stt	Nội dung	Tổng số
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	46.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	-
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	8.000
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

Chương: 423

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	34.687.820
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	34.687.820
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	27.184.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.503.820
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-

Stt	Nội dung	Tổng số
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	112.000
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	112.000
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	34.575.820
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	27.184.000
a	Loại 130 - Khoản 131	27.184.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	27.184.000
b	Loại 130 - Khoản 132	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.391.820
a	Loại 130 - Khoản 131	7.391.820
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.288.000
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	657.000
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	83.000
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	1.514.000
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frend Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	696.680
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	348.340

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	348.340
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	348.340
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	348.340
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	348.340
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	348.340
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	2.388.100
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	116.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	182.040
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	467.000

Stt	Nội dung	Tổng số
b	Loại 130 - Khoản 132	-
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số , ngày /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	20.036.244
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	20.036.244
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.249.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.787.244
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	74.600
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	74.600
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	19.961.644
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.249.000

Stt	Nội dung	Tổng số
a	Loại 130 - Khoản 131	17.249.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	17.249.000
b	Loại 130 - Khoản 132	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.712.644
a	Loại 130 - Khoản 131	2.068.444
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	832.000
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	475.000
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	231.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	49.000
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	256.000
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frenđ Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	94.024
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	47.012
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	36.887
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	36.887
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch-đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	10.125
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	10.125
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	47.012
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	36.887

Stt	Nội dung	Tổng số
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	36.887
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	10.125
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	10.125
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	59.400
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	4.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	29.020
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	39.000
b	Loại 130 - Khoản 132	644.200
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	404.200
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	240.000
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

Chương: 423

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Cư Jut

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	38.223.404
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	38.223.404
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32.347.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.876.404
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	
1.2.1	Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	
1.2.2		-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	
1.2.5		-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	
1.2.7		-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	130.400
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	130.400
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	38.093.004
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32.347.000

Stt	Nội dung	Tổng số
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	32.347.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	32.347.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.746.004
a	Loại 130 - Khoản 131	829.204
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	508.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frennd Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	146.984
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	73.492
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	65.117
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	65.117
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	8.375
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	8.375
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	73.492
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	65.117

Stt	Nội dung	Tổng số
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	65.117
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	8.375
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	8.375
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	69.600
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	5.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	31.620
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	68.000
b	Loại 130 - Khoản 132	4.916.800
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.950.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	1.821.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	1.033.300
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	112.500
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Krông Nô

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____/01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	44.050.412
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	44.050.412
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	38.568.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.482.412
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	132.800
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	132.800
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	43.917.612
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	38.568.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-

Stt	Nội dung	Tổng số
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	38.568.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	38.568.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.349.612
a	Loại 130 - Khoản 131	860.712
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	479.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frenđ Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	198.152
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	99.076
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	87.701
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	87.701
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	11.375
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	11.375
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	99.076

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	87.701
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	87.701
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	11.375
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	11.375
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	72.900
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	6.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	30.660
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	74.000
b	Loại 130 - Khoản 132	4.488.900
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.962.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	1.538.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	878.900
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	110.000
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulhiri - Camphuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	46.083.468
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	46.083.468
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	38.914.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.169.468
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	143.200
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	143.200
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	45.940.268
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	38.914.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-

Stt	Nội dung	Tổng số
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	38.914.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	38.914.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.026.268
a	Loại 130 - Khoản 131	1.466.368
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	616.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ FrenD Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	674.068
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	337.034
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	326.409
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	326.409
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch-đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	10.625
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	10.625
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	337.034

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	326.409
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	326.409
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	10.625
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	10.625
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	76.600
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	5.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	29.700
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	65.000
b	Loại 130 - Khoản 132	5.559.900
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	2.178.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	2.071.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	1.184.900
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	126.000
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Đắk Song

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	32.384.836
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	32.384.836
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	26.983.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.401.836
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	112.800
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	112.800
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	32.272.036
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	26.983.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-

Stt	Nội dung	Tổng số
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	26.983.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	26.983.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.289.036
a	Loại 130 - Khoản 131	1.100.136
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	256.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frened Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	659.276
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	329.638
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	320.763
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	320.763
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch-đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	8.875
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	8.875
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	329.638

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	320.763
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	320.763
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	8.875
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	8.875
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	86.000
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	5.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	28.860
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	65.000
b	Loại 130 - Khoản 132	4.188.900
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.618.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	1.830.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	637.400
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	103.500
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Đắk Rlấp

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	36.651.180
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	36.651.180
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30.419.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.232.180
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	148.800
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	148.800
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	36.502.380
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30.419.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-

Stt	Nội dung	Tổng số
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	30.419.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	30.419.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.083.380
a	Loại 130 - Khoản 131	791.280
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp công tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	414.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frennd Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	198.860
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	99.430
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	82.055
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	82.055
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch-đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	17.375
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	17.375
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	99.430

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	82.055
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	82.055
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	17.375
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	17.375
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	70.400
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	5.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	35.020
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	68.000
b	Loại 130 - Khoản 132	5.292.100
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	2.384.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	1.874.600
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	876.000
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	157.500
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số , ngày /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	34.506.144
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	34.506.144
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	31.064.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.442.144
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	105.600
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	105.600
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	34.400.544
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	31.064.000
a	Loại 130 - Khoản 131	-

Stt	Nội dung	Tổng số
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	31.064.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	31.064.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.336.544
a	Loại 130 - Khoản 131	616.144
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp công tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	296.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ FrenD Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	151.984
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	75.992
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	64.367
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	64.367
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch-đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	11.625
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	11.625
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	75.992

Stt	Nội dung	Tổng số
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	64.367
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	64.367
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	11.625
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	11.625
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	62.500
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	5.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	35.660
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	65.000
b	Loại 130 - Khoản 132	2.720.400
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.144.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	642.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	856.400
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	78.000
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

Chương: 423

PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:

(Kèm theo Quyết định số _____, ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	33.712.212
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	33.712.212
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	29.856.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.856.212
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	91.200
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	91.200
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	33.621.012
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	29.856.000

Stt	Nội dung	Tổng số
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	29.856.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	29.856.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.765.012
a	Loại 130 - Khoản 131	1.083.112
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	299.000
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	-
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frenđ Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	633.192
*	Ngân sách Trung ương (MS: 10490)	316.596
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 10495)	308.721
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	308.721
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 10497)	7.875
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	7.875

Stt	Nội dung	Tổng số
*	Ngân sách địa phương (MS: 20490)	316.596
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (MS: 20495)	308.721
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	308.721
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch - đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (MS: 20497)	7.875
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	7.875
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	61.500
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	5.000
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	29.420
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	55.000
b	Loại 130 - Khoản 132	2.681.900
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.076.000
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	513.000
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	1.024.900
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	68.000
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	-
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	-
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	-
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông**Chương: 423****PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025****Đơn vị: Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn****Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:***(Kèm theo Quyết định số , ngày /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)***ĐVT: 1.000 đồng**

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	1.654.000
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	1.654.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.654.000
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-

Stt	Nội dung	Tổng số
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.654.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.654.000
a	Loại 130 - Khoản 131	1.654.000
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	1.654.000
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	1.654.000
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frend Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	-
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	-
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	-

Stt	Nội dung	Tổng số
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	-
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	-
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	-
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	-
b	Loại 130 - Khoản 132	-
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông**Chương: 423****PHỤ LỤC CÔNG KHAI SỐ LIỆU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025****Đơn vị: Dự án phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện, tại tỉnh Đắk Nông giai****Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:***(Kèm theo Quyết định số , ngày /01/2025 của Sở Y tế Đắk Nông)***ĐVT: 1.000 đồng**

Stt	Nội dung	Tổng số
A	DỰ TOÁN THU	-
I	Thu lệ phí	
II	Thu phí	
B	DỰ TOÁN CHI	74.000
I	Chi từ số thu được để lại:	-
1	Nguồn thu phí được để lại	
	<i>Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định</i>	
II	Chi do NSNN cấp:	74.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	74.000
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
1.2.1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
1.2.2	Trang phục thanh tra	-
1.2.2	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	-
1.2.3	Phụ cấp dân quân tự vệ	-
1.2.4	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	-
1.2.5	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	-
1.2.6	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	-
1.2.7	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham gia các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	-

Stt	Nội dung	Tổng số
1.2.8	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	74.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	Loại 130 - Khoản 131	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
b	Loại 130 - Khoản 132	-
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	74.000
a	Loại 130 - Khoản 131	74.000
a1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	-
a2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	-
a3	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND (Dự toán kinh phí cấp theo NQ số 16/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2023)	-
a4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	-
a5	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (8 tháng năm 2025)	-
a6	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế	74.000
+	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</i>	-
+	<i>Dự án " Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện " tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frend Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ</i>	74.000
a7	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	-
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	-

Stt	Nội dung	Tổng số
++	<i>Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế</i>	-
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh - sạch- đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn	-
++	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	-
a8	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	-
a9	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	-
a10	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	-
a11	Thực hiện dịch vụ y tế khác	-
b	Loại 130 - Khoản 132	-
b1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	
b2	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	
b3	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	
b4	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	
b5	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT TP Gia Nghĩa	
b6	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk Rlấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil)	
b7	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Camphuchia	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	